

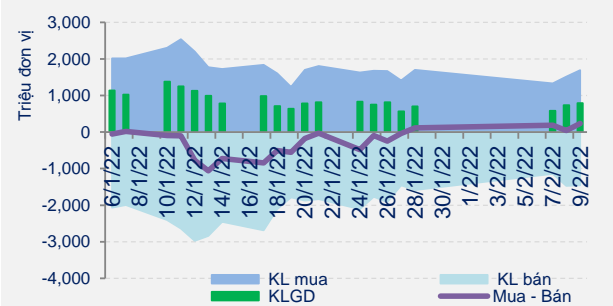
MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 9/2/2022

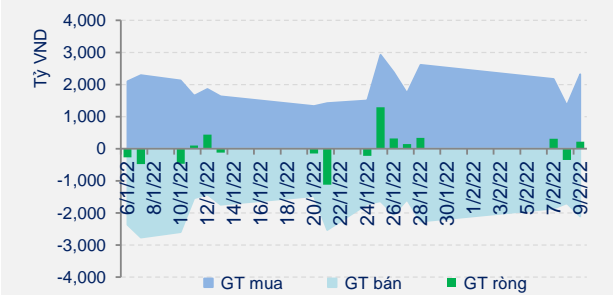
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,505.38	424.19
% Thay đổi	↑ 0.29%	↑ 1.51%
KLGD (CP)	794,737,711	67,936,238
GTGD (tỷ đồng)	25,237.10	1,974.42
Tổng cung (CP)	1,455,528,600	98,519,700
Tổng cầu (CP)	1,690,247,200	92,641,100

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	52,250,200	138,043
KL mua (CP)	53,794,100	532,409
GT mua (tỷ đồng)	2,322.41	37.18
GT bán (tỷ đồng)	2,108.88	6.02
GT ròng (tỷ đồng)	213.54	31.16

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.49%	20.8	3.4	0.8%
Công nghiệp	↑ 1.92%	22.6	3.2	13.1%
Dầu khí	↑ 0.15%	18.8	2.1	3.3%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 1.05%	-	10.9	2.6%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.64%	15.8	2.4	0.3%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.43%	19.3	3.7	6.3%
Ngân hàng	↓ -0.30%	13.2	2.5	27.4%
Nguyên vật liệu	↑ 2.09%	9.5	2.3	15.1%
Tài chính	↑ 0.56%	23.5	3.2	28.5%
Tiền ịch Cộng đồng	↓ -2.08%	17.2	2.9	2.8%
VN - Index	↑ 0.29%	17.5	3.2	
HNX - Index	↑ 1.51%	23.2	3.9	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường đi lên trong phiên thứ ba của năm mới Nhâm Dần 2022 với mức tăng nhẹ và thanh khoản được cải thiện so với phiên trước đó nhưng đây vẫn là mức thấp hơn mức trung bình 20 phiên trong phiên thứ 14 liên tiếp. Cụ thể, VN-Index tăng 4,39 điểm (+0,29%) lên 1.505,38 điểm. Độ rộng trên sàn HOSE là tích cực với 291 mã tăng (17 mã tăng trần), 45 mã tham chiếu, 161 mã giảm (4 mã giảm sàn). HPG (+3,8%) tiếp tục là đầu tàu của thị trường khi tăng mạnh và là mã có đóng góp lớn nhất vào mức tăng của VN-Index với 2,03 điểm. Các cổ phiếu thép khác cũng diễn biến rất tích cực như HSG (+6,9%), NKG (+7%), SMC (+6,9%), POM (+6,7%), NSH (+9,6%)... Bên cạnh đó, một số bluechip cũng tăng khá tốt VHM (+0,4%), PDR (+2%), VRE (+1,1%), PLX (+1%), MWG (+0,5%), VJC (+2,7%), VNM (+1%), KDH (+5,4%), FPT (+0,1%), MSN (+0,8%), BVH (+0,9%), GVR (+0,3%)... giúp cho sắc xanh của thị trường được duy trì. Nhóm ngành chứng khoán cũng có diễn biến tích cực với SSI (+0,1%), VND (+2,9%), SHS (+1,2%), VCI (+1,7%), VIX (+2,3%), APS (+6,5%)... Cổ phiếu ngân hàng sau phiên tăng tốt hôm qua để hỗ trợ thị trường đã quay đầu giảm trở lại trong phiên hôm nay khi mà áp lực bán gia tăng STB (-2,2%), TCB (-0,4%), MBB (-1,5%), VPB (-0,5%), ACB (-0,4%), LPB (-1,2%), CTG (-0,4%), TPB (-1,2%)..., chỉ có SHB (+3,9%), HDB (+0,6%), BID (+2,2%)... là giữ được sắc xanh. Một số mã bất động sản xây dựng đi "tàu lượn siêu tốc" khi giảm mạnh vào đầu phiên nhưng kết phiên với mức tăng mạnh, thậm chí tăng trần, có thể kể đến DIG (+6,9%), CEO (+9,9%), DRH (+7%), FCN (+6,9%), L14 (+10%), NHA (+7%)...

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Tâm lý tích cực dịp đầu năm tiếp tục được duy trì trên thị trường chứng khoán với sắc xanh trong phiên thứ ba liên tiếp. Và thanh khoản tiếp tục được cải thiện cho thấy dòng tiền đang dần quay trở lại thị trường sau Tết. Xu hướng tăng của VN-Index vẫn ở mức tốt nhưng hiện tại đang xuất hiện những dấu hiệu về những đợt rung lắc có thể xảy ra khi mà hợp đồng tương lai VN30 tháng 2/2022 đang chiết khấu so với chỉ số VN30 hơn 11 điểm. Trên biểu đồ kỹ thuật, những thân nền nhỏ liên tiếp cũng cho thấy sự giằng giữa bên mua và bên bán. Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 10/2, chỉ số VN-Index có thể sẽ điều chỉnh nhẹ để kiểm định lại ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.500 điểm. Các nhà đầu tư đã tham gia mua vào trước Tết trong các phiên 12/1, 18/1 và 24/1 có thể tiếp tục nắm giữ danh mục và đứng ngoài quan sát thị trường. Cơ hội chốt lời sẽ xuất hiện khi VN-Index tiến vào vùng kháng cự 1.530-1.550 điểm trong thời gian tới.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

9/2/2022

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index giao dịch với sắc xanh trong toàn bộ thời gian phiên hôm nay khi lực cầu đã xuất hiện ngay từ đầu phiên và được duy trì cho đến hết phiên bất chấp áp lực bán có lúc gia tăng khiến chỉ số điều chỉnh, với mức cao nhất trong phiên tại 1.511,72 điểm. Kết phiên, VN-Index tăng 4,39 điểm (+0,29%) lên 1.505,38 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: HPG tăng 1.750 đồng, BID tăng 1.050 đồng, DIG tăng 4.400 đồng. Ở chiều ngược lại, GAS giảm 4.000 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index giảm điểm vào đầu phiên giao dịch sáng, với mức thấp nhất trong phiên tại 415,12 điểm. Nhưng từ khoảng 10h trở đi, lực cầu gia tăng giúp chỉ số lấy lại sắc xanh và đà tăng mạnh dần sau đấy, với mức cao nhất trong phiên tại 1.511,72 điểm. Kết phiên, HNX-Index tăng 6,3 điểm (+1,51%) lên 424,19 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: CEO tăng 5.000 đồng, THD tăng 1.700 đồng, L14 tăng 30.700 đồng. Ở chiều ngược lại, PVS giảm 500 đồng.

GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 216,7 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 8,3 triệu đơn vị. FUEVFNVD là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 221,6 tỷ đồng tương ứng với 7,3 triệu chứng chỉ quỹ, tiếp theo là VND với 97,7 tỷ đồng tương ứng với 1,4 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, VIC là mã bị bán ròng nhiều nhất với 260,5 tỷ đồng tương ứng với 3 triệu cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 31,13 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 394 nghìn cổ phiếu. THD là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 24,2 tỷ đồng tương ứng với 138 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là PVS với 2,6 tỷ đồng tương ứng với 90,3 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, CEO là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 520 triệu đồng tương ứng với 10,8 nghìn cổ phiếu.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index tăng điểm phiên thứ ba liên tiếp trong năm Nhâm Dần 2022 với thanh khoản khó khăn tiếp tục được cải thiện so với phiên trước đó nhưng vẫn thấp hơn mức trung bình 20 phiên trong phiên thứ 14 liên tiếp cho thấy là nhà đầu tư đang dần quay trở lại thị trường, tuy nhiên một bộ phận có lẽ vẫn đang trong kỳ nghỉ Tết.

Góc nhìn kỹ thuật là lý thuyết sóng Elliot áp dụng trên biểu đồ tuần thì có thể thấy là VN-Index đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết trong khoảng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4). Và một khi vẫn được duy trì trên ngưỡng 1.350 điểm (fibonacci retracement 127,2% fibonacci retracement sóng điều chỉnh 4) thì nhận định trên không có gì thay đổi.

Với phiên tăng thứ ba liên tiếp với mức tăng nhẹ (+0,29%) thì chỉ số VN-Index đã có phiên thứ hai liên tiếp kết phiên trên ngưỡng tâm lý 1.500 điểm. Qua đó tiếp tục củng cố cho xu hướng tăng của thị trường. Tuy nhiên, với nền tảng thanh khoản vẫn ở mức thấp và thân nến khá nhỏ trong phiên thứ ba liên tiếp thể hiện sự giằng co thì có lẽ thị trường sẽ cần thêm thời gian rung lắc quanh ngưỡng này trước khi hướng đến những đỉnh cao mới.

Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 10/2, chỉ số VN-Index có thể sẽ điều chỉnh nhẹ để kiểm định lại ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.500 điểm.

Trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán gia tăng mạnh thì chỉ số VN-Index có thể lui về test lại vùng hỗ trợ trong khoảng 1.480-1.485 điểm (MA20-50).

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

Việt Nam trên đà thành trung tâm sản xuất toàn cầu mới

Hãng tin Sputnik của Nga nhận định Việt Nam đang được chú ý nhiều hơn với kỳ vọng trở thành trung tâm sản xuất mới của thế giới.



TIN TRONG NƯỚC

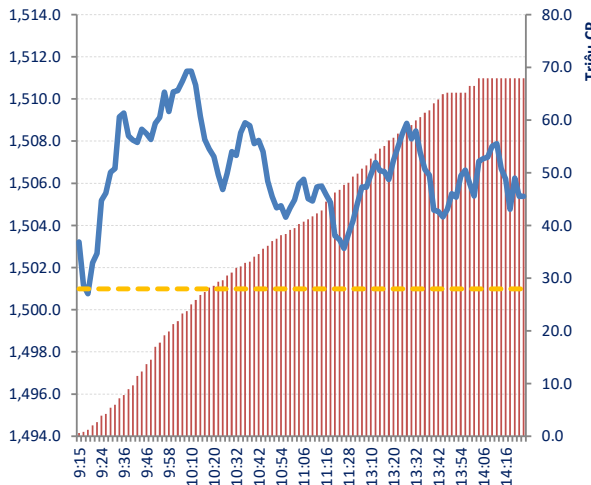
Giá vàng trong nước giảm	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 61 - 62,4 triệu đồng/lượng, giảm 400.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và giảm 300.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay.
Tỷ giá trung tâm tăng 14 đồng	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 9/2 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.104 VND/USD, tăng 14 đồng so với hôm qua.

TIN QUỐC TẾ

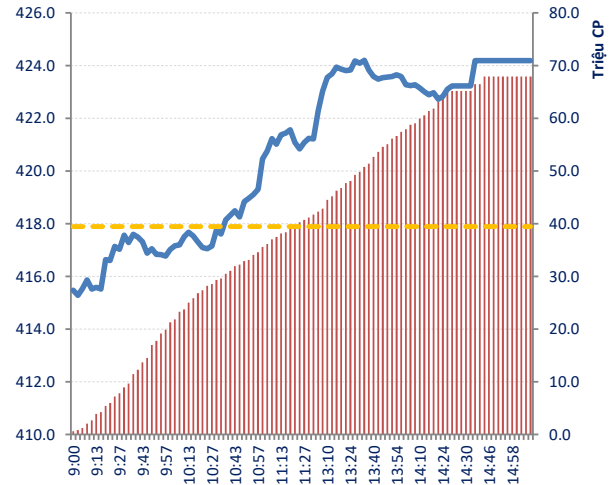
Giá vàng thế giới giảm	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới giảm 0,25 USD/ounce tương ứng với 0,01% xuống 1.827,65 USD/ounce.
Tỷ giá ngoại tệ: USD giảm	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) giảm 0,124 điểm tương ứng 0,13% xuống 95,520 điểm. USD giảm so với EUR xuống: 1 EUR đổi 1,1423 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,3571 USD. USD giảm so với JPY xuống: 1 USD đổi 115,4 JPY.
Giá dầu thế giới tăng	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 0,17 USD/thùng tương ứng với 0,19% lên 89,53 USD/thùng.
Chứng khoán Mỹ tăng điểm	Kết thúc phiên giao dịch ngày 8/2, Dow Jones tăng 371,65 điểm tương đương 1,06% lên 35.462,78 điểm. Nasdaq tăng 178,79 điểm tương đương 1,28% lên 14.194,46 điểm. Nasdaq Composite tăng 37,67 điểm tương đương 0,84% lên 4.521,54 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

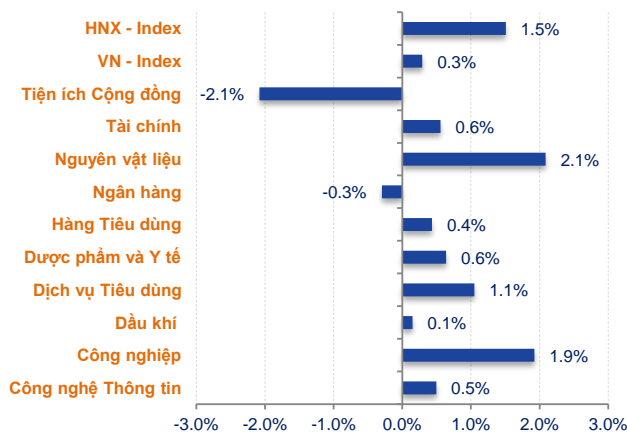
KLGD và VN-Index trong phiên



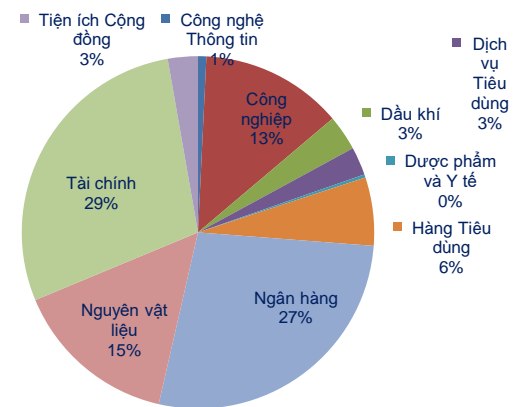
KLGD và HNX-Index trong phiên



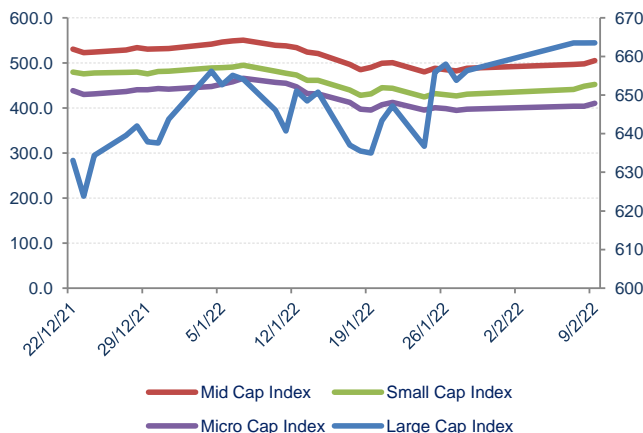
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



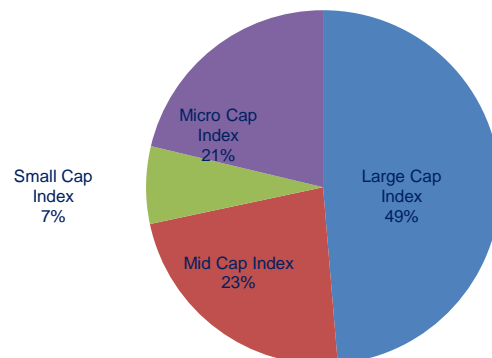
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	FUEVFNVD	7,731,600	VIC	3,011,700
2	GEX	1,503,800	SSI	1,437,600
3	VND	1,365,200	PVD	1,025,000
4	GMD	1,098,100	MSB	999,800
5	HPG	1,023,300	NVL	864,500

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	THD	138,000	EID	17,100
2	PVS	90,300	TIG	11,900
3	EVS	35,500	CEO	10,800
4	PVG	35,200	ART	9,800
5	BCC	30,000	MBG	4,300

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
FLC	12.00	12.05	↑ 0.42%	51,644,300
HPG	45.55	47.30	↑ 3.84%	41,215,200
SHB	23.20	24.10	↑ 3.88%	36,306,200
STB	35.85	35.05	↓ -2.23%	33,428,900
MBB	33.80	33.30	↓ -1.48%	22,270,700

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
CEO	50.30	55.30	↑ 9.94%	9,170,327
PVS	28.70	28.20	↓ -1.74%	7,964,500
HUT	23.10	22.90	↓ -0.87%	4,757,404
SHS	41.50	42.00	↑ 1.20%	4,640,288
KLF	6.10	6.00	↓ -1.64%	4,177,370

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
NKG	35.05	37.50	2.45	↑ 6.99%
QBS	6.02	6.44	0.42	↑ 6.98%
NHA	54.60	58.40	3.80	↑ 6.96%
DXV	6.47	6.92	0.45	↑ 6.96%
DRH	20.85	22.30	1.45	↑ 6.95%

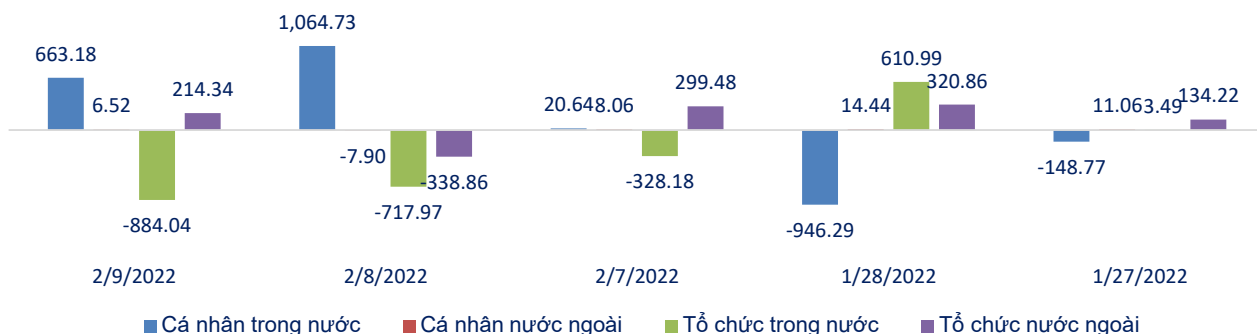
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DPC	25.00	27.50	2.50	↑ 10.00%
L18	52.00	57.20	5.20	↑ 10.00%
NFC	12.00	13.20	1.20	↑ 10.00%
L14	307.80	338.50	30.70	↑ 9.97%
CEO	50.30	55.30	5.00	↑ 9.94%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SVC	123.80	115.20	-8.60	↓ -6.95%
TGG	16.60	15.45	-1.15	↓ -6.93%
EMC	20.50	19.10	-1.40	↓ -6.83%
TTE	14.05	13.10	-0.95	↓ -6.76%
VRC	30.80	29.00	-1.80	↓ -5.84%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VBC	40.00	36.00	-4.00	↓ -10.00%
L40	44.00	39.60	-4.40	↓ -10.00%
TFC	10.00	9.00	-1.00	↓ -10.00%
SGH	55.00	49.50	-5.50	↓ -10.00%
PPE	12.10	10.90	-1.20	↓ -9.92%

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	337.98	-1.9%	(717)	-	2.1
FLC	157.71	0.7%	119	100.9	0.9
ACB	150.79	23.9%	3,554	10.1	2.2
SSI	132.50	13.0%	1,391	32.8	3.3
DXG	98.53	10.3%	1,942	18.2	1.6

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-216.16	46.0%	7,708	5.9	2.2
TCB	-149.42	21.5%	5,144	10.5	2.1
VND	-67.74	19.6%	2,018	34.7	3.6
GEX	-63.76	7.3%	1,490	24.9	1.5
GMD	-63.10	8.9%	2,007	23.2	2.0

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DIG	3.68	15.3%	2,210	28.9	4.2
PVD	3.11	0.1%	46	672.8	0.9
HSG	2.97	47.7%	8,931	3.8	1.5
TVS	2.90	20.3%	2,312	18.8	2.7
GEX	2.86	7.3%	1,490	24.9	1.5

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VND	-4.34	19.6%	2,018	34.7	3.6
FRT	-3.06	8.9%	1,446	65.0	5.5
BID	-2.95	12.7%	2,090	22.7	2.8
VRE	-1.92	4.4%	578	61.4	2.6
VNM	-1.53	27.4%	4,563	18.0	4.8

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	167.41	46.0%	7,708	5.9	2.2
TCB	149.42	21.5%	5,144	10.5	2.1
MSB	43.76	20.7%	2,668	10.4	1.9
PNJ	39.26	18.3%	4,543	23.1	4.0
HSG	38.62	47.7%	8,931	3.8	1.5

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUEVFVND	-228.86	N/A	N/A	N/A	N/A
FLC	-154.45	0.7%	119	100.9	0.9
ACB	-150.79	23.9%	3,554	10.1	2.2
NBB	-96.02	18.2%	4,126	7.0	1.5
VIC	-78.31	-1.9%	(717)	-	2.1

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUEVFVND	220.47	N/A	N/A	N/A	N/A
VND	101.94	19.6%	2,018	34.7	3.6
GEX	53.96	7.3%	1,490	24.9	1.5
GMD	53.81	8.9%	2,007	23.2	2.0
HPG	46.78	46.0%	7,708	5.9	2.2

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	-261.93	-1.9%	(717)	-	2.1
NVL	-67.23	7.9%	1,577	50.2	2.9
SSI	-67.06	13.0%	1,391	32.8	3.3
PVD	-34.17	0.1%	46	672.8	0.9
DXG	-30.27	10.3%	1,942	18.2	1.6



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
FLC	51,644,300	0.7%	119	100.9	0.9
HPG	41,215,200	3250.0%	7,708	5.9	2.2
SHB	36,306,200	16.7%	2,261	10.3	1.7
STB	33,428,900	10.8%	1,855	19.3	2.0
MBB	22,270,700	22.6%	3,361	10.1	2.0

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
CEO	9,170,327	-4.7%	(606)	-	4.0
PVS	7,964,500	4.7%	1,260	22.8	1.1
HUT	4,757,404	1.9%	240	96.2	2.1
SHS	4,640,288	25.5%	2,943	14.1	2.1
KLF	4,177,370	0.4%	40	151.0	0.6

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
NKG	↑ 7.0%	50.0%	10,424	3.4	1.3
QBS	↑ 7.0%	-19.1%	(1,658)	-	0.8
NHA	↑ 7.0%	0.8%	83	657.0	5.4
DXV	↑ 7.0%	-3.1%	(336)	-	0.6
DRH	↑ 7.0%	1.6%	232	90.0	1.5

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
DPC	↑ 10.0%	9.7%	2,172	11.5	1.1
L18	↑ 10.0%	4.5%	683	76.2	3.7
NFC	↑ 10.0%	7.4%	861	13.9	1.0
L14	↑ 10.0%	39.0%	8,000	38.5	11.0
CEO	↑ 9.9%	-4.7%	(606)	-	4.0

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
UEVFN	7,731,600	N/A	N/A	N/A	N/A
GEX	1,503,800	7.3%	1,490	24.9	1.5
VND	1,365,200	19.6%	2,018	34.7	3.6
GMD	1,098,100	8.9%	2,007	23.2	2.0
HPG	1,023,300	46.0%	7,708	5.9	2.2

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	138,000	25.2%	4,694	37.0	10.5
PVS	90,300	4.7%	1,260	22.8	1.1
EVS	35,500	7.6%	764	56.5	2.7
PVG	35,200	2.8%	379	32.4	0.9
BCC	30,000	7.5%	1,297	14.9	1.1

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	435,392	21.3%	4,629	19.9	3.9
VHM	353,575	35.3%	9,036	9.0	2.7
VIC	332,957	-1.9%	(717)	-	2.1
BID	239,521	12.7%	2,090	22.7	2.8
GAS	218,190	17.1%	4,531	25.2	4.2

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	60,830	25.2%	4,694	37.0	10.5
KSF	36,690	8.8%	738	165.6	6.1
IDC	19,410	11.8%	1,805	35.8	4.1
BAB	17,397	8.3%	964	24.0	2.0
VCS	17,360	41.5%	11,163	9.7	3.7

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
BSI	3.87	8.9%	1,047	39.0	3.0
DRH	3.14	1.6%	232	90.0	1.5
KHP	2.85	7.2%	836	19.3	1.4
VND	2.76	19.6%	2,018	34.7	3.6
IDI	2.73	4.4%	600	22.5	1.0

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PVL	3.41	7.0%	343	34.1	2.3
CEO	2.92	-4.7%	(606)	-	4.0
ART	2.75	0.1%	16	648.6	0.9
L18	2.70	4.5%	683	76.2	3.7
VC7	2.57	3.3%	273	73.6	1.8



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trưởng phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
